

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm triển khai Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015 tỉnh Sóc Trăng

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Sóc Trăng là tỉnh thuộc khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, diện tích tự nhiên 3.233 km², với 72 km bờ biển, thế mạnh kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và thủy sản. Dân số năm 2012 là 1.303.662 người, tỉ lệ nữ 50,3%, dân tộc Kinh: 64,24%, Khmer: 30,71%, Hoa: 5,02% và dân tộc khác chiếm 0,03%, có 09 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố với 109 xã, phường, thị trấn.

Trong 3 năm qua, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng tiếp tục chuyển biến tích cực, công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện như: chăm lo về đời sống cho hộ nghèo, hộ chính sách, đẩy mạnh công tác dạy nghề, tạo việc làm, hỗ trợ vốn, phương tiện sản xuất cho hộ nghèo. Trong đó có lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, địa phương, tạo ra những chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp ủy Đảng và chính quyền, lãnh đạo các doanh nghiệp, người lao động và nhân dân nói chung về việc thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động cũng như mọi mặt đời sống xã hội.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC, CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Tình hình triển khai Chương trình quốc gia về bình đẳng giới

Ngay từ khi Luật Bình đẳng giới được ban hành, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh phối hợp tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về giới, chấp hành các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới và Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 24/10/2008 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với các mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp cụ thể.

Năm 2011, năm đầu tiên thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 và Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2015, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động số 21/KH-UBND ngày 04/7/2011 về việc thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2011 - 2015. Đến nay, có 20 sở, ban ngành và 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng và ban hành kế hoạch hành động về bình đẳng giới 5 năm và hàng năm để triển khai thực hiện việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và kế hoạch chuyên môn của ngành.

2. Công tác tổ chức bộ máy

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 563/QĐTC-CTUBND ngày 22/12/2009 về việc thành lập Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Sóc Trăng (thay cho Quyết định số 627/QĐTC-CTUBT ngày 19/8/2005) nhằm kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của Phụ nữ tỉnh theo Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 11/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Ban Vì sự tiến bộ của Phụ nữ cũng đã ban hành Quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm các thành viên và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp cụ thể. Đến nay, toàn tỉnh đã có 20 sở, ban ngành tỉnh, tất cả các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn thành lập Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ, phân công cán bộ phụ trách công tác bình đẳng giới của cơ quan, đơn vị.

3. Công tác truyền thông, nâng cao năng lực

Thời gian qua, các cơ quan chức năng của tỉnh đã thực hiện 36 chuyên mục, 36 chuyên trang bình đẳng giới định kỳ hàng tháng trên báo, sóng phát thanh truyền hình tỉnh và địa phương nhằm tuyên truyền, phổ biến nội dung pháp luật về bình đẳng giới, các chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

Bên cạnh đó, đã biên soạn và phát hành 28.000 tờ bướm tuyên truyền về Luật Bình đẳng giới, tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ, Công ước CEDAW, Luật Hôn nhân gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em, nói chuyện chuyên đề về giới, phổ biến Luật Bình đẳng giới và các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới tại các xã nông thôn mới được 10 cuộc có 500 lượt người dự.

Năm 2012, hưởng ứng cuộc thi tìm hiểu Luật Bình đẳng giới do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức, toàn tỉnh có 3.870 bài dự thi.

Năm 2013, tỉnh đã tổ chức cuộc thi viết tìm hiểu về bình đẳng giới với sự tham gia của đông đảo cán bộ, công nhân, viên chức, sinh viên, học sinh trong tỉnh với số lượng bài dự thi hơn 2.150 bài, đồng thời tổ chức Tọa đàm về Bình đẳng giới và việc mất cân bằng giới tính khi sinh.

Đã tổ chức 11 lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới cho 1.122 lượt cán bộ là thanh tra các sở ngành, lãnh đạo ban ngành, đoàn thể, giáo viên các trường, cán bộ phụ trách công tác bình đẳng giới ở cấp huyện, xã; phóng viên, biên tập viên của báo, đài. Thành lập 04 Câu lạc bộ ngăn ngừa và giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới (gọi tắt là Câu lạc bộ bình đẳng giới) tại thị trấn Phú Lộc, Ngã Năm, Đại Ngãi và xã Viên An với gần 200 thành viên tham gia. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức vận động thành lập được 1.863 Câu lạc bộ phụ nữ, thu hút 31.889 thành viên tham gia sinh hoạt. Qua đó phối hợp tổ chức tập huấn với lồng ghép tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về giới, bình đẳng giới, về phòng, chống bạo lực gia đình, phòng, chống mua bán phụ nữ và trẻ em và các văn bản liên quan được 3.718 cuộc, có 179.424 lượt người; vận động phụ nữ tham gia vào các lĩnh vực chính trị - xã hội, ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phối hợp với Công an tỉnh thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2012/NQLT của Bộ Công an và Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam về “Quản lý, giáo dục con em trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội”. Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-ĐCT của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về “Một số vấn đề xã hội bức xúc có liên quan đến phụ nữ trẻ em gái” gắn với việc thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; kế hoạch hành động thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” và hưởng ứng “Tuần lễ nước sạch - vệ sinh môi trường nông thôn năm 2012”, cuộc vận động “Phụ nữ cả nước thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm vì sức khỏe gia đình và cộng đồng”.

4. Công tác phối hợp liên ngành thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của UBND tỉnh

Các sở, ban ngành tỉnh luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan thường trực Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ để tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp trong việc triển khai công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đã tổ chức lồng ghép vấn đề giới vào các kế hoạch, chương trình, dự án có liên quan.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên xem xét vấn đề hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, trong đó có các chỉ tiêu bình đẳng giới, góp phần thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh.

Các sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể Thao và Du lịch, Tư pháp, Công an cùng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã ký liên tịch về Chương trình phối hợp tổ chức tập huấn về tư vấn pháp luật, tuyên truyền kiến thức về bình đẳng giới, hôn nhân - gia đình, hòa giải vụ việc và triển khai các hoạt động bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức cán bộ và hoạt động trợ giúp pháp lý.

Sở Giáo dục và Đào tạo lồng ghép và tuyên truyền một số nội dung của Luật Bình đẳng giới cho lực lượng giáo viên, học sinh, sinh viên.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức các chương trình, các buổi tọa đàm về các vấn đề liên quan đến Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Sở Y tế triển khai thực hiện truyền thông dân số, chú trọng các nội dung về chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình, cải thiện sức khỏe, duy trì mức sinh thấp, hợp lý góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực,...

Sở Tư pháp tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động, nhằm giúp người nghèo, gia đình chính sách, chị em phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn có thêm kiến thức pháp luật, để bảo vệ lợi ích chính đáng của mình khi quan hệ pháp luật.

Công tác triển khai thực hiện kế hoạch hành động Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới của tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2011 - 2015 được các ngành, các cấp thực hiện có hiệu quả, nhất là công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn về bình đẳng giới, qua đó nâng cao nhận thức làm thay đổi quan điểm, hành vi, đẩy lùi tư tưởng định kiến giới, ngăn chặn tình trạng bạo lực trên cơ sở giới và thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới.

5. Công tác kiểm tra, giám sát

Ban Vì sự tiến bộ của Phụ nữ tỉnh thường xuyên kiểm tra hoạt động công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các địa phương, đơn vị theo kế hoạch. Qua nắm tình hình ở cơ sở và tổng hợp báo cáo công tác kiểm tra và tự kiểm tra, nhìn chung các đơn vị đều triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết số 11/NQ-TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp huyện và cơ sở kịp thời tham mưu UBND cùng cấp chỉ đạo thực hiện đúng theo nội dung Kế hoạch số 21/KH-UBND, ngày 04/7/2011 của UBND tỉnh về thực hiện chiến lược Quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015, đồng thời kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy chế phù hợp với tình hình thực tế.

6. Kết quả thực hiện các mục tiêu

Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị

Đảng ủy, chính quyền, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ, Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp đã quan tâm vận động, giới thiệu nữ giới tham gia ứng cử vào Đại biểu Quốc hội, cấp ủy Đảng và Hội đồng nhân dân các cấp, tổ chức tập huấn kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng xây dựng chương trình hành động cho nữ ứng cử viên, tổ chức tuyên truyền, vận động bầu cử cho nữ giới. Kết quả cụ thể như sau:

- Nữ đại biểu Quốc hội khóa XIII của tỉnh là 02/07 đại biểu, chiếm 28,57%;
- Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016:
 - + Cấp tỉnh: 10/55, tỷ lệ 18,18%;
 - + Cấp huyện, thị xã, thành phố: 64/368, tỷ lệ 17,39%;
 - + Cấp xã, phường, thị trấn: 525/3.070, tỷ lệ 17,10%.
- Cấp ủy đảng là nữ nhiệm kỳ 2010 - 2015:
 - + Cấp tỉnh: 6/55, tỷ lệ 10,9%;
 - + Cấp huyện, thị xã, thành phố: 57/494, tỷ lệ 11,74%;
 - + Cấp xã, phường, thị trấn: 606/3.934, tỷ lệ 15,4%.
- Đảng viên nữ 7.402/29.603, chiếm 25%.

Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động

Hoạt động đào tạo nghề được tổ chức linh hoạt, gắn kết chặt chẽ hơn với hỗ trợ tạo việc làm thông qua hỗ trợ vốn và mở rộng hợp tác với các đối tác để tạo việc làm. Trong 3 năm, toàn tỉnh đã đào tạo nghề cho 62.269 lao động, trong đó có 25.800 lao động nữ, tỷ lệ 41,43%; giải quyết việc làm cho 58.591 người, trong đó có 32.358 nữ, tỷ lệ 55,2%; xuất khẩu lao động 311 nữ/485 người, tỷ lệ 64%; tổng số nữ doanh nghiệp là 1.138/4.290, chiếm tỷ lệ 26,5%

Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp phát động phong trào “Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế”, qua đó huy động từ các nguồn vốn giúp 16.406 hộ nghèo được vay vốn với số tiền 23,5 tỷ, trong đó 9.364 hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ.

Ngân hàng Chính sách Xã hội đã phát vay cho 91.040 lượt hộ nghèo, trong đó có 37.015 lượt hộ nghèo do nữ làm chủ hộ, bình quân hàng năm có 76,55% hộ nghèo do nữ làm chủ hộ được giúp đỡ và đã có 7.583 hộ thoát nghèo.

Các cấp, các ngành quan tâm hơn đến quyền lợi của phụ nữ trong giải quyết việc làm, đảm bảo chế độ, chính sách, nhất là chú trọng nâng cao đời sống của lao động nữ, động viên chị em hoàn thành công việc được giao; tạo cơ hội về việc làm cho phụ nữ thông qua các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội, đa dạng hóa các ngành nghề, tạo nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước đảm bảo sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Trong 03 năm qua, có 1.540 lượt cán bộ nữ được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước và lý luận chính trị, chiếm 29,74% tổng số cán bộ được đào tạo.

Toàn tỉnh có 111 nữ trong số 430 thạc sĩ, tỷ lệ 25,8%; 86 nữ trong số 180 người đang học thạc sĩ, tỷ lệ 47,8%, 01 nữ trong số 13 người đang học tiến sĩ, tỷ lệ 7,7%. Trong đó, riêng ngành Giáo dục và Đào tạo có 54 nữ trong số 129 thạc sĩ, tỷ lệ 41,9%; 01 nữ trong số 04 người đang học tiến sĩ, tỷ lệ 25%; nữ cán bộ quản lý của ngành giáo dục ở các bậc học là 700/18.028 người (tỷ lệ 38,82%).

Về trình độ chính trị của cán bộ nữ: sơ cấp 1.648 người; trung cấp 241 người; cao cấp 33 người; cử nhân 30 người.

Số lượng và tỷ lệ học sinh nữ so với độ tuổi của các cấp học ở mầm non và phổ thông tương đương số lượng và tỷ lệ học sinh nam.

Tỉnh đã quan tâm việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ để từng bước đảm bảo sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhiều chính sách ưu tiên hỗ trợ của Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được thực hiện nghiêm túc như: miễn giảm học phí, cấp học bổng, cho vay đi học, đặc biệt đối với con em người dân tộc, con em gia đình nghèo, trẻ em gái và các đối tượng bị thiệt thòi ngày càng được quan tâm.

Tuy nhiên, tỷ lệ theo học hàng năm có sự tăng giảm đáng kể và càng lên bậc học cao thì tỷ lệ nữ lại giảm. Nguyên nhân của tình trạng trên do cán bộ nữ trong biên chế Nhà nước chiếm tỷ lệ tương đối cao nhưng lại phân bổ không đều, tập trung nhiều ở các ngành y tế, giáo dục, bưu điện... Việc tạo nguồn lực và cân đối nguồn cán bộ nữ gặp nhiều khó khăn, bị ràng buộc bởi chỉ tiêu biên chế và trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo, mặt khác một bộ phận cán bộ nữ còn tự ti, an phận, chưa tự phấn đấu vươn lên.

Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe

- Tuổi thọ trung bình của phụ nữ là 74 tuổi và nam giới là 72.

- Việc chăm sóc sức khỏe đối với phụ nữ ngày càng được chú trọng, triển khai thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe sinh sản, tỷ lệ phụ nữ có thai khám đủ 3 lần đạt 95%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm còn 16%, tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng 6 loại vắc xin đạt 98%.

- Chỉ số giới tính khi sinh đạt 108,4 nam/100 nữ.

- Tỷ lệ phá thai là 30/100 trẻ đẻ sống, tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản là 47/100.000 người.

- Có 35% phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; 100% trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn có nữ hộ sinh từ trung học trở lên; tỷ lệ gia tăng dân số đến năm 2012 là 1,17%,

Ngành y tế đã tổ chức công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục nâng cao trách nhiệm cho đội ngũ y tế về bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ; tham mưu UBND tỉnh thực hiện các đề án giai đoạn 2011 - 2015 như: can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; từng bước đã hoàn thiện hệ thống y tế, các trạm y tế cấp xã được cung cấp trang thiết bị cơ bản và quỹ thuốc thiết yếu đảm bảo cho việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài Phát thanh - Truyền hình Sóc Trăng, Báo Sóc Trăng và các đơn vị liên quan tiếp tục tăng cường tuyên truyền, tập huấn cho 120 phóng viên, biên tập viên các cơ quan truyền thông trong việc xóa bỏ các thông điệp và hình ảnh mang định kiến về giới.

Tất cả các cơ quan báo, đài trên địa bàn tỉnh đều có các chuyên mục, chuyên đề, phóng sự, tiểu phẩm tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, nói không với bạo lực gia đình... thời lượng phát sóng hàng tháng 10 phút/chuyên mục và thực hiện 02 chuyên trang/tháng, đạt kế hoạch 100%.

Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới

Hiện nay, toàn tỉnh có 271.338 hộ gia đình văn hóa, tỷ lệ 87,06% tổng số hộ trong tỉnh, có 513 khu dân cư văn hóa, tỷ lệ 66,2%; có trên 600 Câu lạc bộ sinh hoạt định kỳ hàng tháng, hàng quý (CLB Gia đình hạnh phúc, CLB Gia đình phát triển bền vững, CLB Gia đình văn hóa, CLB Bình đẳng giới, CLB Pháp luật).

Xây dựng mô hình Phòng chống bạo lực gia đình tại 89/109 xã, phường, thị trấn, có 562 nhóm Phòng chống bạo lực gia đình, 652 địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, 853 số điện thoại đường dây nóng, 100% cấp huyện, xã đã lồng ghép Ban chỉ đạo Phòng chống bạo lực gia đình với Ban chỉ đạo phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

Tư vấn pháp luật cho 2.684 trường hợp về hôn nhân gia đình (trong đó có 445 trường hợp có yếu tố nước ngoài), trợ giúp pháp lý cho 4.375 trường hợp, tham gia giải quyết, hòa giải 3.479 đơn thư, vụ khiếu tố (trong đó có 2.384 vụ bạo

lực gia đình). Có 229 nạn nhân bị buôn bán, bị ngược đãi tái hòa nhập cộng đồng, trong đó có 113 người được hỗ trợ với số tiền 155,75 triệu đồng.

Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới

Hàng năm, tỉnh tổ chức nhiều lớp tập huấn về kỹ năng phân tích đánh giá, kỹ năng lồng ghép giới cho cán bộ phụ trách công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ từ tỉnh đến cơ sở, tất cả cán bộ làm công tác bình đẳng giới được tập huấn kiến thức giới, lồng ghép giới.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các ngành liên quan tổ chức 120 cuộc hội nghị, có 3.013 lượt người dự, đóng góp 3.320 ý kiến cho các nội dung của dự thảo Luật đất đai, dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, sửa đổi Luật Hôn nhân và gia đình, ngoài ra còn chú trọng việc lồng ghép các nội dung liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

- Sự phối hợp giữa các ngành thành viên Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tương đối chặt chẽ, nguồn kinh phí cấp ổn định tạo điều kiện để triển khai thực hiện các hoạt động theo kế hoạch đề ra.

- Các lớp tập huấn đã giúp cho giúp cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và chính quyền địa phương có cách nhìn đúng đắn hơn về vai trò giới trong gia đình - xã hội - cộng đồng. Từ đó, vận dụng lồng ghép vấn đề về giới, bình đẳng giới vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, góp phần đạt đến mục tiêu bình đẳng giới.

- Trong từng gia đình, sự bình đẳng về quyền lợi học tập, việc làm, chăm sóc sức khỏe, nuôi con của phụ nữ được cải thiện; vai trò, vị thế của phụ nữ ngày càng được khẳng định trên các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, bản thân người phụ nữ cũng tích cực phấn đấu, tự vươn lên tiến tới xóa bỏ định kiến phân biệt đối xử về giới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

2. Tồn tại và hạn chế

- Một số ngành thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ chưa chủ động trong công tác phân tích, thống kê số liệu tách biệt giới nên khó khăn cho việc tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Một số chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ chưa được thực hiện nghiêm túc như việc xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, bảo vệ chăm sóc trẻ em.

- Tỷ lệ phụ nữ tham gia lĩnh vực chính trị và nhất là giữ vị trí quản lý, lãnh đạo còn thấp, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lực lượng phụ nữ.

- Tỷ lệ lao động nữ được đào tạo nghề dài hạn vẫn còn hạn chế.

- Tình trạng bạo lực gia đình, ngược đãi, mua bán phụ nữ và trẻ em, vấn đề phụ nữ kết hôn người nước ngoài (nhiều nhất là Trung Quốc) ở vài nơi còn diễn ra phức tạp.

3. Nguyên nhân

- Ở một số địa phương, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến công tác bình đẳng giới, còn quan niệm hoạt động về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ là công việc chủ yếu của Hội Liên hiệp phụ nữ và ban nữ công.

- Sự chuyển biến nhận thức về giới và bình đẳng giới ở một bộ phận người dân chưa cao, một số chị em còn tự ti, mặc cảm, ít tham gia học tập hoặc hoạt động xã hội.

- Hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các ngành, địa phương còn nhiều khó khăn, lúng túng. Bộ máy Ban Vì tiến bộ của phụ nữ các cấp hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, thường xuyên bị biến động, kinh phí hoạt động còn thấp.

- Một số địa phương thiếu nguồn cán bộ nữ để quy hoạch; việc quy hoạch, đào tạo cán bộ nữ của một số đơn vị chưa đảm bảo theo quy trình; công tác tuyên truyền về bầu cử, giới thiệu ứng cử viên chưa cụ thể; nhận thức của người dân về vai trò, vị trí người phụ nữ còn hạn chế,...

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để thực hiện tốt công tác bình đẳng giới trong thời gian tới, kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quan tâm đối với một số nội dung sau:

1. Tham mưu Chính phủ chỉ đạo việc lồng ghép giới, đưa các chỉ tiêu về giới trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm ở địa phương, đưa các chỉ tiêu có phân tích giới vào nội dung báo cáo tổng kê của các bộ, ngành để có cơ sở lập kế hoạch, triển khai, theo dõi, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới.

2. Ban hành các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là chính sách về đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng lao động nữ, tạo điều kiện tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, về cơ cấu, quy hoạch, đề bạt đối với cán bộ nữ để các ngành, địa phương thực hiện thống nhất. Hỗ trợ các chương trình, dự án cho cơ sở góp phần thúc đẩy bình đẳng giới trên các lĩnh vực.

3. Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng lồng ghép giới và bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ cho đối tượng là lãnh đạo các ngành, các cấp, cung cấp và hỗ trợ tài liệu cho địa phương.

4. Sớm ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành trong năm và có đề cương hướng dẫn báo cáo hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ để địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

V. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC BÌNH ĐẲNG GIỚI ĐẾN NĂM 2020

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu

Tiếp tục ổn định và cải thiện đời sống vật chất tinh thần của phụ nữ, tạo mọi điều kiện để thực hiện có hiệu quả các quyền cơ bản và phát huy vai trò của phụ nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị

Chỉ tiêu 1: Phần đầu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng các cấp đạt từ 25% trở lên, tỷ lệ nữ Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp các cấp đạt từ 30% trở lên vào năm 2020.

Chỉ tiêu 2: Tất cả các tổ chức giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội và doanh nghiệp với 30% lực lượng lao động nữ trở nên có cán bộ nữ tham gia lãnh đạo.

Chỉ tiêu 3: Phần đầu đến năm 2020, 100% cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo nông thôn và phụ nữ dân tộc với các nguồn lực kinh tế và thị trường lao động

Chỉ tiêu 1: Đảm bảo cân bằng nam nữ trong tổng số người được tạo việc làm mới hàng năm.

Chỉ tiêu 2: Tăng tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp.

Chỉ tiêu 3: Đảm bảo 50% lực lượng lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật.

Chỉ tiêu 4: Tăng tỷ lệ hộ nghèo nông thôn do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn từ chương trình xóa đói giảm nghèo, phụ nữ được vay vốn tín dụng trong tổng số người vay vốn tín dụng .

Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đảm bảo sự tham gia bình đẳng của phụ nữ và nam giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ

Chỉ tiêu 1: Phổ cập biết chữ cho 100% nam giới và phụ nữ ở độ tuổi từ 15 đến 40 tuổi.

Chỉ tiêu 2: Giảm từ 70% đến 90% khoảng cách giới vào năm 2015 về tỷ lệ học vấn cấp trung học cơ sở, vùng đồng bào dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn.

Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ thạc sĩ đạt 40% trong tổng số thạc sĩ, tỷ lệ nữ tiến sĩ đạt 20% trong tổng số tiến sĩ.

Chỉ tiêu 4: Giảm về cơ bản các hình ảnh và thông điệp mang tính định kiến giới trong sách giáo khoa.

Mục tiêu 4: Đảm bảo bình đẳng giới trong tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe

Chỉ tiêu 1: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống dưới 0,1‰.

Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai đủ 3 lần lên 95%.

Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ lệ phụ nữ mang thai nhiễm HIV/AIDS.

Chỉ tiêu 4: Giảm 30% số ca nạo phá thai nhất là phá thai tuổi vị thành niên.

Chỉ tiêu 5: Bệnh viện Đa khoa cấp huyện trở lên có bác sỹ chuyên khoa nam học.

Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao

Chỉ tiêu 1: Bảo đảm việc tiếp cận và hưởng thụ bình đẳng nhu cầu thương thức văn hóa, tiếp nhận thông tin giữa nam và nữ.

Chỉ tiêu 2: Giảm 60% các sản phẩm truyền thông mang tính định kiến giới vào năm 2015 và tăng thời lượng các sản phẩm truyền thông cổ vũ cho quan niệm bình đẳng giới.

Mục tiêu 6. Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới

Chỉ tiêu 1: Thay đổi cơ bản tâm lý thích sinh con trai của người dân. Mức độ chênh lệch giới tính khi sinh không vượt quá 110/100, đặc biệt là ở các vùng có chênh lệch cao.

Chỉ tiêu 2: Tăng 50% tỷ lệ phụ nữ tham gia các quyết định quan trọng trong gia đình.

Chỉ tiêu 3: Giảm 50% tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực gia đình đối với một số hành vi bạo lực gia đình cơ bản như đánh, mắng, chửi, ép buộc quan hệ tình dục.

Chỉ tiêu 4: 50% số nạn nhân bạo lực gia đình được tư vấn về pháp lý, sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở mở rộng, 85% số người gây bạo lực gia đình được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

Chỉ tiêu 5: Giảm 50% tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em trên phạm vi toàn tỉnh, giảm 20% tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em tại địa bàn trọng điểm, 60% phụ nữ và trẻ em gái bị buôn bán đã phát hiện được chữa trị và dạy nghề.

Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới

Chỉ tiêu 1: Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới thực hiện đúng quy trình lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, trong đó có việc phân tích tác động của các văn bản đối với phụ nữ và nam giới.

Chỉ tiêu 2: Giám sát, đánh giá thực hiện Luật Bình đẳng giới.

Chỉ tiêu 3: 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được đào tạo về nghiệp vụ.

Chỉ tiêu 4: 100% cán bộ làm chính sách ở các sở, ngành, địa phương được tập huấn kiến thức giới, kỹ năng phân tích giới và lồng ghép giới.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

a. Làm tốt công tác tham mưu cơ chế, chính sách về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Rà soát đánh giá, điều chỉnh, bổ sung việc đảm bảo bình đẳng giới trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách của tỉnh.

- Tập trung xây dựng và thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trên các lĩnh vực còn tồn tại bất bình đẳng sâu sắc đối với phụ nữ.

b. Thực hiện lồng ghép giới, nội dung bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm của tỉnh, của từng sở, ngành và các huyện, thị xã, thành phố.

- Gắn việc triển khai thực hiện kế hoạch này với việc triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan về bình đẳng giới và triển khai thực hiện Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ

(CEDAW), đi đôi với việc xử nghiêm đối với những người có hành vi bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái, để đạt được mục tiêu bình đẳng giới.

c. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông về bình đẳng giới với nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng (phụ nữ, nam giới, lãnh đạo, công chức, viên chức, giáo viên, người dân,...) và từng khu vực (nông thôn, thành thị,...), đặc biệt lưu ý đến các nhóm dân cư ở vùng sâu, vùng xa. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu bình đẳng giới.

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, chương trình bình đẳng giới trên báo, đài. Có quy chế ngăn chặn các sản phẩm truyền thông mang tính định kiến giới.

- Nâng cao nhận thức giới, bình đẳng giới cho cán bộ, phóng viên báo chí để góp phần giám sát việc thực hiện pháp Luật Bình đẳng giới và tuyên truyền những kiến thức, kinh nghiệm, điển hình tiên tiến về bình đẳng giới, đảm bảo các sản phẩm truyền thông không bị định kiến giới.

- Đưa nội dung giáo dục về bình đẳng giới vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục của tỉnh.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ tuyên truyền viên và báo cáo viên về bình đẳng giới tại cộng đồng.

d. Phát triển các hệ thống dịch vụ có chất lượng nhằm hỗ trợ phụ nữ và nam giới được tham gia bình đẳng trong các lĩnh vực.

- Phát triển các dịch vụ hỗ trợ các công việc gia đình nhằm giúp phụ nữ và nam giới được tham gia nhiều hơn vào hoạt động xã hội (dịch vụ nhà trẻ, dịch vụ cung cấp người giúp việc gia đình, cung cấp thức ăn tận nhà, ...).

- Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ y tế về sức khỏe sinh sản.

- Mở rộng dịch vụ chăm sóc sức khỏe của các thành viên trong gia đình. Tăng cường các dịch vụ chăm sóc sức khỏe trước, trong và sau khi sinh cho phụ nữ.

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản cho mọi người.

- Tăng cường xã hội hóa và phối hợp liên ngành trong việc tổ chức các hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

e. Có cơ chế huy động nguồn lực và đầu tư ngân sách có hiệu quả hoạt động bình đẳng giới

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính cho công tác bình đẳng giới, bảo đảm tỷ lệ hợp lý ngân sách đầu tư cho công tác bình đẳng giới.

- Tập trung nguồn lực thực hiện bình đẳng giới trong những ngành, vùng, lĩnh vực có sự bình đẳng hoặc có nguy cơ bất bình đẳng cao.

f. Phát triển khoa học công nghệ hướng tới bảo đảm bình đẳng giới

- Hàng năm, tổ chức, nghiên cứu về bình đẳng giới trên các lĩnh vực, trong đó xem xét vấn đề bình đẳng giới dưới góc độ văn hóa.

- Ứng dụng các công trình khoa học công nghệ vào cuộc sống nhằm đảm bảo bình đẳng.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về bình đẳng giới, phục vụ cho công tác nghiên cứu và hoạch định chính sách về bình đẳng giới.

g. Tranh thủ hợp tác tổ chức phi chính phủ trong việc thực hiện bình đẳng giới

- Tham gia tích cực vào các hoạt động trao đổi thông tin, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức hội thảo về bình đẳng giới.

- Tăng cường khai thác các chương trình, dự án có lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

h. Tăng cường thanh tra, kiểm tra về công tác bình đẳng giới, kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm về bình đẳng giới. Đẩy mạnh triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bình đẳng giới, trong đó có Nghị định số 55/2009/NĐ ngày 10/6/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới, nhằm thực hiện quyền cơ bản của phụ nữ và các mục tiêu của kế hoạch hành động

- Hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách về bình đẳng giới có chất lượng từ tỉnh đến cơ sở.

- Bồi dưỡng kỹ năng phân tích, đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ làm công tác chính sách, cán bộ trực tiếp xây dựng các kế hoạch kinh tế - xã hội.

- Có hệ thống giám sát, đánh giá về công tác bình đẳng giới trên phạm vi toàn tỉnh. Tổ chức giám sát đánh giá liên ngành, có thông tin hệ thống, có điều tra mẫu và điều tra định kỳ, giám sát đánh giá cuối kỳ; thực hiện giám sát đánh giá dựa vào cộng đồng.

- Cấp ủy đảng và chính quyền thường xuyên đưa vấn đề bình đẳng giới vào trong chương trình nghị sự để tăng cường kiểm tra và chỉ đạo. Có lộ trình cụ thể thực hiện các giải pháp bình đẳng giới đặc biệt trong công tác quy hoạch cán bộ.

Trên đây là báo cáo sơ kết 3 năm triển khai thực hiện Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, giai đoạn 2011- 2015 và mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm công tác bình đẳng giới đến năm 2020 của tỉnh Sóc Trăng.

Nơi nhận:

- Vụ Bình đẳng giới (Bộ LĐTBXH);
- Thành viên Ban VSTBCPN tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng BDG (Sở LĐTBXH);
- Lưu: VX, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Quách Việt Tùng

Phụ lục
Tình hình sử dụng kinh phí Chương trình quốc gia năm 2012, 2013 của tỉnh Sóc Trăng
(Kèm theo Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 25/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Stt	Nội Dung	Năm 2012			Năm 2013			Ước thực hiện 12/2013
		Kinh phí Trung ương hỗ trợ có mục tiêu			Kinh phí Trung ương hỗ trợ có mục tiêu			
		Số tiền (triệu đồng)	KP giải ngân (triệu đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Số tiền (triệu đồng)	KP giải ngân đến tháng 6/2013 (triệu đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)	
I	Dự án 1:	120	100,430	83,69	140	26,321,580	18,8	113,678,420
1	Hoạt động 1	62,820	62,820	100	54,160	7,080	13,07	47,080
2	Hoạt động 2	39,180	37,610	95,99	64,340	0	0	64,340
3	Hoạt động 3	18	0	0	21,500	19,241,580	89,5	2,258,420
II	Dự án 2:	200	138,839,550	69,42	179,200	0,6	0,33	178,600
1	Hoạt động 1	26	25,490	98,03	13,500			13,500
2	Hoạt động 2	92	79,253	86,14	119,790			119,790
3	Hoạt động 3	23	21,835	94,93	45,910	0,6	1,30	45,310
4	Hoạt động 4	30	12,261,550	40,87				
5	Hoạt động 5	29	0	0				
III	Dự án 3:	150	94,055,672	62,7	22,200	4,712,800	21,23	17,487,2
1	Hoạt động 1	113	86,400	76,46	7,2	4,712,800	65,45	2,487,2
2	Hoạt động 2	37	7,655,672	20,69	15	0	0	15
IV	Dự án 4:	20	20	100	123,600	123,600	100	
1	Hoạt động 1	20	20	100	123,600	123,600	100	
	Tổng cộng	490	359,122,222	73,29	465	155,234,380	33,38	